

Phiên tòa phúc thẩm dân sự theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự Việt Nam : Luận văn ThS. Luật: 60 38 30 / Hoàng Thị Bích Hải ; Nghd. : TS. Nguyễn Công Bình

MỤC LỤC CỦA LUẬN VĂN

	Trang		
<i>Trang phụ bìa</i>			
<i>Lời cam đoan</i>			
<i>Mục lục</i>			
<i>Danh mục các chữ viết tắt</i>			
MỞ ĐẦU	1		
Chương 1: NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VỀ PHIÊN TÒA PHÚC THẨM DÂN SỰ	6		
1.1. Khái niệm, đặc điểm và ý nghĩa của phiên tòa phúc thẩm dân sự	6	2.1.1.4. Nguyên tắc Tòa án xét xử công khai	29
1.1.1. Khái niệm phiên tòa phúc thẩm dân sự	6	2.1.1.5. Nguyên tắc bình đẳng về quyền và nghĩa vụ trong tố tụng dân sự	29
1.1.2. Đặc điểm của phiên tòa phúc thẩm dân sự	10	2.1.1.6. Nguyên tắc quyền quyết định và tự định đoạt của đương sự	29
1.1.3. Ý nghĩa của phiên tòa phúc thẩm dân sự	14	2.1.1.7. Nguyên tắc bảo đảm quyền bảo vệ của đương sự	30
1.1.3.1. Ý nghĩa về mặt chính trị	15	2.1.1.8. Nguyên tắc cung cấp chứng cứ và chứng minh trong tố tụng dân sự	30
1.1.3.2. Ý nghĩa về mặt xã hội	16	2.1.2. Các quy định về chủ thể trong phiên tòa phúc thẩm dân sự	31
1.1.3.3. Ý nghĩa về mặt pháp lý	17	2.1.2.1. Các quy định về người tiến hành tố tụng tại phiên tòa phúc thẩm dân sự	31
1.2. Các nội dung cơ bản của phiên tòa phúc thẩm dân sự	18	2.1.2.2. Các quy định về người tham gia phiên tòa phúc thẩm dân sự	34
1.2.1. Nguyên tắc tiến hành phiên tòa phúc thẩm dân sự	18	2.1.3. Các quy định về phạm vi xét xử phúc thẩm	36
1.2.2. Các chủ thể trong phiên tòa phúc thẩm dân sự	20	2.2. Các quy định về thủ tục phiên tòa phúc thẩm dân sự	38
1.2.3. Phạm vi xét xử phúc thẩm dân sự	22	2.2.1. Các quy định về thủ tục bắt đầu phiên tòa phúc thẩm dân sự	38
1.2.4. Thủ tục tiến hành phiên tòa phúc thẩm dân sự	23	2.2.2. Các quy định về thủ tục hỏi tại phiên tòa phúc thẩm dân sự	46
1.2.5. Quyền hạn của Hội đồng xét xử phúc thẩm	25	2.2.3. Các quy định về tranh luận tại phiên tòa phúc thẩm dân sự	52
Chương 2: NỘI DUNG CÁC QUY ĐỊNH CỦA BỘ LUẬT TỐ TỤNG DÂN SỰ VIỆT NAM VỀ PHIÊN TÒA PHÚC THẨM DÂN SỰ	28	2.2.4. Các quy định về nghị án phúc thẩm	54
2.1. Các quy định chung về phiên tòa phúc thẩm dân sự	28	2.2.5. Các quy định về tuyên án phúc thẩm	55
2.1.1. Một số nguyên tắc tiến hành phiên tòa phúc thẩm dân sự	28	2.3. Các quy định về quyền hạn của Hội đồng xét xử phúc thẩm	57
2.1.1.1. Nguyên tắc bảo đảm pháp chế xã hội chủ nghĩa	28	2.3.1. Quyền giữ nguyên bản án, quyết định sơ thẩm	57
2.1.1.2. Nguyên tắc xét xử độc lập và chỉ tuân theo pháp luật	28	2.3.2. Quyền sửa bản án sơ thẩm	57
2.1.1.3. Nguyên tắc Tòa án xét xử tập thể	28	2.3.3. Quyền hủy bản án sơ thẩm và chuyển hồ sơ cho Tòa án sơ thẩm giải quyết lại vụ án	60
		2.3.4. Quyền hủy bản án sơ thẩm và đình chỉ giải quyết vụ án	62
		Chương 3: THỰC TIỄN THỰC HIỆN CÁC QUY ĐỊNH CỦA BỘ LUẬT TỐ TỤNG DÂN SỰ VỀ PHIÊN TÒA PHÚC THẨM, YÊU CẦU VÀ GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN	65
		3.1. Thực tiễn thực hiện các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về phiên tòa phúc thẩm dân sự	65
		3.1.1. Những kết quả đạt được trong việc thực hiện các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về phiên tòa phúc thẩm	65
		3.1.2. Những tồn tại trong việc thực hiện các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về phiên tòa phúc thẩm	70
		3.1.3. Một số nguyên nhân của tồn tại trong việc thực hiện các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự	76
		3.2. Các yêu cầu hoàn thiện các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự Việt Nam năm 2004 về phiên tòa phúc thẩm dân sự	78
		3.2.1. Yêu cầu nâng cao hiệu quả xét xử phúc thẩm	79
		3.2.2. Yêu cầu mở rộng tranh tụng trong tố tụng dân sự	79

3.2.3.	Yêu cầu về hoàn thiện hệ thống pháp luật Việt Nam	80
3.2.4.	Yêu cầu về đổi mới hệ thống Tòa án	81
3.2.5.	Yêu cầu nâng cao trách nhiệm của Thẩm phán	82
3.3.	Các giải pháp hoàn thiện quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự Việt Nam năm 2004 về phiên tòa phúc thẩm dân sự	82
	KẾT LUẬN	89
	DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO	92

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Đất nước ta đang trong thời kỳ đổi mới. Ngoài những thành tựu về văn hóa - xã hội thì các tranh chấp về dân sự, hôn nhân và gia đình, kinh doanh thương mại và lao động cũng nảy sinh hết sức đa dạng và phức tạp, trong đó các tranh chấp có yếu tố nước ngoài ngày càng nhiều. Việc giải quyết các tranh chấp về dân sự, hôn nhân và gia đình, kinh doanh thương mại, lao động góp phần bảo vệ trật tự và an ninh xã hội là nhiệm vụ quan trọng của các cơ quan nhà nước, trong đó Tòa án nhân dân (TAND) giữ vai trò trung tâm.

Nghị quyết số 08/NQ-TW ngày 02/01/2002 của Bộ Chính trị đã đề ra nhiệm vụ trọng tâm của cải cách tư pháp, trong đó nhấn mạnh đến việc phát huy dân chủ, phát triển tranh tụng, đảm bảo ngày càng tốt hơn quyền và lợi ích hợp pháp của con người là một trong những nhiệm vụ trọng tâm của công tác tư pháp trong thời gian tới. Nghị quyết đã xác định yêu cầu: "Nâng cao chất lượng xét xử của Tòa án, của Viện kiểm sát tại phiên tòa, bảo đảm tranh tụng dân chủ với luật sư, người bào chữa và người tham gia tố tụng khác... Khi xét xử Tòa án phải đảm bảo cho mọi công dân đều bình đẳng trước pháp luật, thật sự dân chủ, khách quan, Thẩm phán và Hội thẩm nhân dân độc lập và chỉ tuân theo pháp luật; việc xét xử của Tòa án phải căn cứ chủ yếu và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, của người bào chữa, bị cáo, các đương sự...".

Ngày 02/6/2005, Bộ Chính trị ban hành Nghị quyết số 49/NQ-TW về chiến lược cải cách tư pháp, trong đó có nhiệm vụ: "Xây dựng nền tư pháp trong sạch, vững mạnh, dân chủ, nghiêm minh, bảo vệ công lý, từng bước hiện đại, phục vụ nhân dân, phụng sự Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa, hoạt động tư pháp mà trọng tâm là hoạt động xét xử được tiến hành và có hiệu quả cao". Vì vậy, việc ban hành, sửa đổi các quy định của pháp luật để xây dựng một thủ tục tố tụng thống nhất, ổn định, phù hợp với tình hình kinh tế - xã hội trong thời gian trước mắt cũng như trong tương lai là một trong những nhiệm vụ cơ bản của cải cách tư pháp tại Việt Nam.

Trong lĩnh vực tố tụng dân sự, ngày 15/6/2004 Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XI, kỳ họp thứ 5 đã thông qua Bộ luật Tố tụng dân sự (BLTTDS) thay thế Pháp lệnh Thủ tục giải quyết các vụ án dân sự năm 1989 (PLTTGQCVADS), Pháp lệnh Thủ tục giải quyết các vụ án kinh tế (PLTTGQCVAKT) và Pháp lệnh Thủ tục giải quyết các tranh chấp lao động (PLTTGQCTCLĐ). So với các Pháp lệnh trước, BLTTDS có nhiều quy định mới, trong đó có cả những quy định về thủ tục tố tụng tại phiên tòa phúc thẩm vụ án dân sự. Việc tuân thủ các quy định này sẽ đảm bảo cho công tác xét xử được toàn diện, khách quan và chính xác.

Xét xử phúc thẩm là việc Tòa án cấp trên trực tiếp thẩm tra tính hợp pháp và tính có căn cứ đối với bản án, quyết định sơ thẩm của Tòa án cấp dưới chưa có hiệu lực pháp luật bị kháng cáo, kháng nghị. Thông qua việc xét xử phúc thẩm, một mặt Tòa án cấp trên trực tiếp sửa chữa những sai sót trong công tác xét xử của Tòa án cấp dưới để đảm bảo cho vụ án được xét xử công bằng, chính xác và đúng pháp luật; mặt khác, ở một mức độ nhất định còn uốn nắn về nghiệp vụ và định hướng về đường lối xét xử cho hoạt động xét xử của Tòa án cấp dưới. Tuy nhiên, việc thực hiện các quy định của BLTTDS về xét xử phúc thẩm trong những năm qua cho thấy các quy định này còn nhiều bất cập. Ngoài ra, do có nhiều nguyên nhân khác nhau, hiện tượng vi phạm các quy định về thủ tục tố tụng tại phiên tòa phúc thẩm vẫn còn xảy ra ở nhiều nơi làm ảnh hưởng đến hiệu quả xét xử phúc thẩm, gây thiệt hại đến quyền và lợi ích hợp pháp của các cá nhân, cơ quan, tổ chức và lợi ích của Nhà nước.

Những lý do trên cho thấy việc nghiên cứu về phiên tòa phúc thẩm dân sự là hết sức cần thiết, nhất là trong điều kiện hiện nay khi chúng ta đang đẩy mạnh công cuộc cải cách tư pháp. Vì vậy, tôi đã chọn đề tài "***Phiên tòa phúc thẩm dân sự theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự Việt Nam***" làm luận văn thạc sĩ luật học.

2. Tình hình nghiên cứu đề tài

Từ trước tới nay, nhất là từ sau khi BLTTDS năm 2004 được ban hành đã có nhiều công trình nghiên cứu khoa học pháp lý, trong đó có đề cập đến

phiên tòa phúc thẩm như đề tài "*Thực trạng hoạt động xét xử phúc thẩm và giải pháp nâng cao chất lượng, hiệu quả của các Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao*" của Tòa án nhân dân tối cao (TANDTC), 2006; bài "*Chế định phúc thẩm vụ án dân sự*" của tác giả Nguyễn Thị Thu Hà đăng trên đặc san Tạp chí Luật học, 2005; bài "*Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết vụ án như thế nào khi Tòa án cấp sơ thẩm triệu tập sai tư cách người tham gia tố tụng*" của tác giả Nguyễn Đình Huê đăng trên Tạp chí Tòa án nhân dân, số 5/2005; bài "*Nâng cao trách nhiệm của Viện kiểm sát trong thực hiện quyền kháng nghị phúc thẩm theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự*" của tác giả Đào Hữu Đăng đăng trên Tạp chí Kiểm sát, số 1/2005...; luận văn thạc sĩ: "*Thủ tục giải quyết vụ án dân sự tại Tòa án cấp phúc thẩm theo pháp luật Việt Nam*" của tác giả Đào Duy Vương; luận văn thạc sĩ: "*Các cấp xét xử trong tố tụng dân sự Việt Nam*" của tác giả Lê Thị Hà; bài "*Tòa án cấp phúc thẩm cần gì ở Tòa án cấp sơ thẩm*" của tác giả Nguyễn Tuấn Minh đăng trên Tạp chí Tòa án nhân dân, số 6, 1990; "*Một số quy định chung về thủ tục giải quyết việc dân sự*" của tác giả Tường Duy Lượng đăng trên tạp chí Tòa án nhân dân, số 6, 2005... Tuy nhiên, cho tới nay vẫn chưa có một công trình nghiên cứu khoa học pháp lý nào nghiên cứu một cách đầy đủ và toàn diện về phiên tòa phúc thẩm dân sự theo quy định của BLTTDS năm 2004.

3. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu đề tài

Mục đích của việc nghiên cứu đề tài là làm rõ những vấn đề lý luận; nội dung các quy định của pháp luật về phiên tòa phúc thẩm dân sự và thực tiễn thực hiện, từ đó tìm ra các giải pháp để nâng cao hiệu quả của phiên tòa phúc thẩm dân sự.

Để thực hiện được mục đích nêu trên, việc nghiên cứu có nhiệm vụ giải quyết những vấn đề cơ bản sau:

- Nghiên cứu những vấn đề lý luận cơ bản về phiên tòa phúc thẩm dân sự;
- Phân tích các quy định của BLTTDS Việt Nam về phiên tòa phúc thẩm dân sự.
- Khảo sát việc thực hiện các quy định của BLTTDS Việt Nam về phiên tòa phúc thẩm dân sự tại Tòa án Việt Nam.

- Tìm ra những yêu cầu và các giải pháp cụ thể nhằm hoàn thiện pháp luật Việt Nam về phiên tòa phúc thẩm dân sự.

4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu đề tài

Đối tượng nghiên cứu của đề tài là những vấn đề lý luận về phiên tòa phúc thẩm dân sự; các quy định của BLTTDS về phiên tòa phúc thẩm dân sự và thực tiễn xét xử phúc thẩm của các Tòa án; đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước về cải cách hành chính và cải cách tư pháp ở nước ta.

Phiên tòa phúc thẩm dân sự là một đề tài rất rộng, bao gồm nhiều vấn đề về lý luận cũng như thực tiễn. Tuy nhiên, trong khuôn khổ phạm vi luận văn thạc sĩ luật học, tác giả chỉ tập trung nghiên cứu các vấn đề sau: Khái niệm, đặc điểm, ý nghĩa và nội dung của phiên tòa phúc thẩm dân sự; nội dung các quy định của BLTTDS Việt Nam về nguyên tắc tiến hành phiên tòa phúc thẩm dân sự, các chủ thể tại phiên tòa phúc thẩm dân sự, thủ tục tiến hành phiên tòa phúc thẩm, quyền hạn của Hội đồng xét xử (HĐXX) phúc thẩm; thực tiễn áp dụng và các giải pháp hoàn thiện chúng.

5. Phương pháp nghiên cứu đề tài

Đề tài nghiên cứu dựa trên cơ sở phương pháp luận của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh về Nhà nước và pháp luật.

Quá trình nghiên cứu đề tài cũng sử dụng các phương pháp nghiên cứu khoa học như: phương pháp phân tích, phương pháp tổng hợp, phương pháp so sánh, phương pháp lịch sử và phương pháp thống kê.

6. Những đóng góp mới về khoa học của luận văn

Luận văn là công trình nghiên cứu chuyên khảo đầu tiên có tính hệ thống và toàn diện về phiên tòa phúc thẩm dân sự theo quy định của BLTTDS Việt Nam với những đóng góp mới cho khoa học pháp lý như sau:

- Luận văn đã làm sáng tỏ thêm một số vấn đề lý luận về phiên tòa phúc thẩm dân sự như khái niệm, đặc điểm, ý nghĩa và nội dung của phiên tòa phúc thẩm dân sự.
- Phân tích làm rõ các quy định của BLTTDS Việt Nam về phiên tòa phúc thẩm dân sự và thực tiễn thực hiện.

- Chỉ ra những điểm còn bất cập của BLTTDS Việt Nam hiện hành về phiên tòa phúc thẩm và đề xuất được một số giải pháp hoàn thiện chúng.

7. Kết cấu của luận văn

Ngoài phần mở đầu, kết luận và danh mục tài liệu tham khảo, nội dung của luận văn gồm 3 chương:

Chương 1: Những vấn đề lý luận về phiên tòa phúc thẩm dân sự

Chương 2: Nội dung các quy định của BLTTDS Việt Nam về phiên tòa phúc thẩm dân sự

Chương 3: Thực tiễn áp dụng các quy định của BLTTDS Việt Nam về phiên tòa phúc thẩm dân sự, các yêu cầu và giải pháp hoàn thiện.

Chương 1

NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VỀ PHIÊN TÒA PHÚC THẨM DÂN SỰ

1.1. Khái niệm, đặc điểm và ý nghĩa của phiên tòa phúc thẩm dân sự

1.1.1. Khái niệm phiên tòa phúc thẩm dân sự

Phiên tòa phúc thẩm dân sự là phiên họp của Tòa án cấp trên trực tiếp xét xử lại vụ án dân sự đã được Tòa án cấp dưới giải quyết bằng bản án hoặc quyết định chưa có hiệu lực pháp luật nhưng bị kháng cáo hoặc kháng nghị nhằm xác định tính hợp pháp và tính có căn cứ của bản án, quyết định đó.

1.1.2. Đặc điểm của phiên tòa phúc thẩm dân sự

Trong tố tụng dân sự có phiên tòa sơ thẩm, phiên tòa phúc thẩm, phiên tòa giám đốc thẩm và phiên tòa tái thẩm. Mỗi phiên tòa có những đặc điểm, nhiệm vụ và ý nghĩa riêng. Việc nghiên cứu làm rõ các đặc điểm của phiên tòa phúc thẩm dân sự là rất cần thiết. Từ đó thấy được vị trí, vai trò của chúng trong tố tụng dân sự. Qua việc nghiên cứu đề tài cho thấy phiên tòa phúc thẩm dân sự có các đặc điểm sau đây:

Thứ nhất, phiên tòa phúc thẩm dân sự là phiên của Tòa án xét xử lại vụ án mà bản án, quyết định sơ thẩm chưa có hiệu lực pháp luật bị kháng cáo, kháng nghị.

Thứ hai, phiên tòa phúc thẩm trong tố tụng dân sự là việc Tòa án xét xử lần thứ hai vụ án dân sự khi bản án, quyết định sơ thẩm bị kháng cáo, kháng nghị.

Thứ ba, phiên tòa phúc thẩm trong tố tụng dân sự do Tòa án cấp trên trực tiếp của Tòa án đã xét xử sơ thẩm vụ án tiến hành.

Thứ tư, nội dung của việc xét xử phúc thẩm là HĐXX phúc thẩm kiểm tra tính hợp pháp và tính có căn cứ của bản án sơ thẩm.

1.1.3. Ý nghĩa của phiên tòa phúc thẩm dân sự

Với quy định "bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án", thì việc áp dụng các quy định của tố tụng dân sự trong xét xử tại phiên tòa phúc thẩm vụ án dân sự có ý nghĩa đặc biệt cả về chính trị, xã hội và pháp lý.

1.1.3.1. Ý nghĩa về mặt chính trị

Qua việc xét xử vụ án dân sự tại phiên tòa phúc thẩm, HĐXX phúc thẩm khắc phục những sai lầm có thể có trong bản án, quyết định chưa có hiệu lực pháp luật của Tòa án cấp sơ thẩm, bảo đảm cho quyền và lợi ích hợp pháp của các chủ thể được thực hiện trong thực tế, góp phần bảo vệ pháp chế xã hội chủ nghĩa. Bằng phán quyết của mình, HĐXX cũng có thể giữ nguyên quyết định của bản án, quyết định của Tòa án cấp sơ thẩm chưa có hiệu lực pháp luật nếu quyết định đó là đúng pháp luật, một lần nữa khẳng định tính đúng đắn, nghiêm túc của bản án, quyết định sơ thẩm.

Thông qua các phán quyết chính xác, khách quan và đúng pháp luật của Tòa án cấp phúc thẩm, quan điểm của Nhà nước đấu tranh với việc xử lý hành vi không đúng pháp luật, xâm phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp của chủ thể khác được quán triệt, thực hiện trong công tác xét xử của Tòa án. Từ đó không những giúp bản thân đương sự tự ý thức được những xử sự mà họ đã thực hiện là phù hợp với quy định của pháp luật hay không mà còn bảo đảm được sự quan tâm của Nhà nước đến quyền, lợi ích hợp pháp của các chủ thể? Thực hiện Nhà nước ta là Nhà nước của nhân dân, do nhân dân và vì nhân dân. Do đó, góp phần nâng cao được địa vị chính trị của Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

1.1.3.2. Ý nghĩa về mặt xã hội

Đối với phiên tòa phúc thẩm dân sự, nguyên tắc xét xử công khai vẫn được áp dụng triệt để như phiên tòa sơ thẩm dân sự. Trong trường hợp xét xử kín, bản án vẫn phải tuyên công khai. Do vậy, tính minh bạch của các phán quyết được thể hiện triệt để. Với thành phần HĐXX gồm 3 Thẩm phán là những người có trình độ chuyên môn, nghiệp vụ xét xử, sự am hiểu pháp luật mang tính chuyên sâu nên các phán quyết của Hội đồng xét xử phúc thẩm về logic sẽ bảo đảm tính chính xác, đúng pháp luật và có độ tin cậy cao. Qua đó sẽ nâng cao được sự tín nhiệm của người dân đối với Tòa án - cơ quan nhân danh Nhà nước thực hiện chức năng xét xử.

Thông qua việc xét xử công khai, xem xét các chứng cứ công khai, giải thích pháp luật của HĐXX phúc thẩm (qua bản án, quyết định), những người tham dự phiên tòa, người tham gia tố tụng hiểu biết thêm về pháp luật, nhận thức đầy đủ hơn về đường lối, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước, nâng cao ý thức pháp luật cho nhân dân, củng cố thêm niềm tin của nhân dân vào đường lối lãnh đạo của Đảng và của Nhà nước.

1.1.3.3. Ý nghĩa về mặt pháp lý

Về mặt pháp lý, phiên tòa phúc thẩm dân sự có ý nghĩa đặc biệt quan trọng đối với việc giải quyết vụ án dân sự. Thông qua việc xét xử phúc thẩm tại phiên tòa, Tòa án cấp trên có thể kiểm tra hoạt động xét xử của Tòa án cấp dưới, sửa chữa được những sai lầm, vi phạm pháp luật của Tòa án cấp dưới, bảo đảm bản án, quyết định của Tòa án đã tuyên là hợp pháp và có căn cứ. Mặt khác, qua đó Tòa án cấp trên có thể tìm ra được những nguyên nhân dẫn đến việc xét xử có sai lầm, thiếu sót (nếu có) và khắc phục được những sai lầm, thiếu sót đó. Cũng thông qua việc xét xử tại phiên tòa phúc thẩm, Tòa án cấp phúc thẩm còn phát hiện được những lỗ hổng của chính những quy định pháp luật về nội dung và về hình thức. Từ đó, đề xuất những biện pháp định hướng sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn áp dụng pháp luật nhằm nâng cao chất lượng xét xử của các cấp Tòa án.

1.2. Các nội dung cơ bản của phiên tòa phúc thẩm

1.2.1. Nguyên tắc tiến hành phiên tòa phúc thẩm

Về cơ bản, các nguyên tắc của tố tụng dân sự (như nguyên tắc quyền quyết định và tự định đoạt của đương sự; cung cấp chứng cứ và chứng minh trong tố tụng dân sự; bình đẳng về quyền và nghĩa vụ trong tố tụng dân sự; bảo đảm quyền bảo vệ của đương sự; hòa giải trong tố tụng dân sự; xét xử công khai; Tòa án xét xử tập thể...) cũng được áp dụng cả cho giai đoạn phúc thẩm nhưng ở mức độ và phạm vi khác nhau. Một số nguyên tắc như: nguyên tắc cung cấp chứng cứ và chứng minh trong tố tụng dân sự; nguyên tắc bình đẳng về quyền và nghĩa vụ trong tố tụng dân sự; nguyên tắc bảo đảm quyền bảo vệ của đương sự được áp dụng đầy đủ ở giai đoạn phúc thẩm như ở giai đoạn xét xử sơ thẩm vụ án. Bên cạnh đó, xuất phát từ tính chất của xét xử phúc thẩm nên ở phiên tòa phúc thẩm, một số nguyên tắc của tố tụng dân sự như nguyên tắc quyền quyết định và tự định đoạt của đương sự; nguyên tắc hòa giải trong tố tụng dân sự, trong một số trường hợp cụ thể chỉ áp dụng ở một phạm vi và mức độ nhất định.

Ngoài ra, do yêu cầu, tính chất của xét xử phúc thẩm, một số nguyên tắc cơ bản trong tố tụng dân sự tuy được áp dụng tại phiên tòa sơ thẩm nhưng không được áp dụng tại phiên tòa phúc thẩm như: nguyên tắc Hội thẩm nhân dân tham gia xét xử vụ án dân sự.

1.2.2. Các chủ thể trong phiên tòa phúc thẩm dân sự

Căn cứ vào địa vị pháp lý của các chủ thể trong phiên tòa phúc thẩm có thể phân loại các chủ thể trong phiên tòa phúc thẩm thành hai nhóm:

Thứ nhất, nhóm những người tiến hành tố tụng bao gồm các thành viên của HĐXX, Thư ký phiên tòa và kiểm sát viên (trong trường hợp pháp luật quy định VKS phải tham gia phiên tòa).

Thứ hai, nhóm những người tham gia tố tụng bao gồm người kháng cáo, người có liên quan đến kháng cáo, kháng nghị và những người tham gia tố tụng khác.

1.2.3. Phạm vi xét xử phúc thẩm

Phạm vi của xét xử phúc thẩm là giới hạn thẩm quyền xem xét, giải quyết của Tòa án cấp phúc thẩm.

Phạm vi xét xử phúc thẩm phải trong phạm vi các nội dung mà Tòa án cấp sơ thẩm đã giải quyết và có kháng cáo, kháng nghị.

1.2.4. Thủ tục tiến hành phiên tòa phúc thẩm

Các quy định về trình tự, thủ tục xét xử sơ thẩm cũng được áp dụng đối với phiên tòa phúc thẩm. Tuy vậy, phúc thẩm là cấp xét xử lại vụ án nên trình tự thủ tục tiến hành phiên tòa phúc thẩm có những điểm khác với phiên tòa sơ thẩm cụ thể:

Thứ nhất, ở thủ tục bắt đầu phiên tòa chủ tọa phiên tòa cần phải tuyên bố xét lại vụ án nào, theo kháng cáo, kháng nghị của ai, đối với bản án, quyết định nào của Tòa án.

Thứ hai, ở thủ tục hỏi tại phiên tòa, trước hết Chủ tọa phiên tòa tóm tắt nội dung vụ án, nội dung quyết định của bản án sơ thẩm, nội dung kháng cáo, kháng nghị. Việc hỏi ở phiên tòa phúc thẩm chỉ xoay quanh những vấn đề cần làm rõ để giải quyết yêu cầu kháng cáo, kháng nghị.

Thứ ba, ở thủ tục tranh luận tại phiên tòa phúc thẩm, người kháng cáo, kiểm sát viên phải được phát biểu ý kiến về kháng cáo, kháng nghị trước, sau mới đến những người tham gia tố tụng khác tranh luận. Việc phát biểu tranh luận trong phiên tòa phúc thẩm cũng chỉ xoay quanh những vấn đề nhằm giải quyết yêu cầu kháng cáo, kháng nghị hoặc có liên quan đến kháng cáo, kháng nghị.

Thứ tư, ở thủ tục nghị án khi nghị án, HĐXX phúc thẩm chỉ tập trung thảo luận và quyết định về những vấn đề có kháng cáo, kháng nghị và những vấn đề có liên quan đến việc giải quyết kháng cáo, kháng nghị.

Thứ năm, ở thủ tục tuyên án tại phiên tòa phúc thẩm, HĐXX không phải giải thích thêm về quyền kháng cáo của đương sự vì họ không có quyền kháng cáo nữa mà chỉ phải giải thích thêm về những vấn đề liên quan đến việc thi hành bản án như nghĩa vụ khi thi hành án, thời hiệu yêu cầu thi hành án.

1.2.4. Quyền hạn của Hội đồng xét xử phúc thẩm

Xét xử phúc thẩm là việc Tòa án cấp trên trực tiếp xét xử lại vụ án trong trường hợp bản án sơ thẩm của Tòa án cấp dưới chưa có hiệu lực pháp luật bị kháng cáo, kháng nghị. Để bảo đảm được hiệu quả của xét xử phúc thẩm dân sự thì HĐXX phúc thẩm có quyền giữ nguyên bản án chưa có hiệu lực pháp luật bị kháng cáo, kháng nghị; sửa bản án chưa có hiệu lực pháp luật bị kháng cáo, kháng nghị hoặc có quyền hủy bản án chưa có hiệu lực pháp luật bị kháng cáo, kháng nghị, giao lại cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án. Ngoài ra, khi có căn cứ để đình chỉ giải quyết vụ án thì HĐXX phúc thẩm phải có quyền hủy bản án sơ thẩm chưa có hiệu lực pháp luật bị kháng cáo, kháng nghị và đình chỉ giải quyết vụ án.

Từ các vấn đề đã được trình bày ở trên, có thể rút ra một số kết luận sau đây:

1- Phiên tòa phúc thẩm dân sự là phiên họp của Tòa án cấp trên trực tiếp xét xử lại vụ án dân sự đã được Tòa án cấp dưới giải quyết bằng bản án hoặc quyết định nhưng chưa có hiệu lực pháp luật bị kháng cáo hoặc kháng nghị nhằm xác định tính hợp pháp và tính có căn cứ của bản án, quyết định đó.

2- Phiên tòa phúc thẩm dân sự là phiên họp của Tòa án xét xử lần thứ hai đối với vụ án dân sự do Tòa án cấp trên trực tiếp của Tòa án đã xét xử sơ thẩm vụ án tiến hành; nội dung của việc xét xử phúc thẩm là kiểm tra tính hợp pháp và tính có căn cứ của bản án sơ thẩm.

3- Phiên tòa phúc thẩm dân sự có những ý nghĩa nhất định cả về mặt chính trị, xã hội và pháp lý. Về chính trị, góp phần thực hiện Nhà nước của dân, do dân và vì dân. Về xã hội, củng cố niềm tin của nhân dân đối với Đảng và Nhà nước. Về pháp lý góp phần giải quyết đúng đắn vụ việc dân sự.

4- Việc tiến hành phiên tòa dân sự phúc thẩm phải tuân thủ các nguyên tắc cơ bản của luật tố tụng dân sự trong đó có cả các nguyên tắc điều chỉnh chung các hoạt động tố tụng và các nguyên tắc điều chỉnh riêng các hoạt động tố tụng dân sự.

5- Chủ thể tham gia phiên tòa phúc thẩm bao gồm: Các chủ thể tiến hành tố tụng, các chủ thể tham gia tố tụng có liên quan đến kháng cáo, kháng

ngợi, và những cá nhân, tổ chức, cơ quan khác có liên quan đến việc giải quyết kháng cáo, kháng nghị.

6- Phiên tòa dân sự phúc thẩm được tiến hành tương tự như phiên tòa sơ thẩm. Tuy nhiên, xuất phát từ tính chất của xét xử phúc thẩm là xem xét tính hợp pháp và tính có căn cứ của bản án sơ thẩm chưa có hiệu lực pháp luật bị kháng cáo, kháng nghị và phạm vi xét xử phúc thẩm giới hạn trong yêu cầu kháng cáo, kháng nghị nên cũng có những khác biệt nhất định về HĐXX, thủ tục tiến hành và nội dung xét xử của phiên tòa phúc thẩm dân sự. Ngoài ra, khi xét xử phúc thẩm, HĐXX phúc thẩm có quyền giữ nguyên, sửa hoặc hủy bản án chưa có hiệu lực pháp luật bị kháng cáo, kháng nghị.

Chương 2

NỘI DUNG CÁC QUY ĐỊNH

CỦA BỘ LUẬT TỔ TỤNG DÂN SỰ VIỆT NAM

VỀ PHIÊN TÒA PHÚC THẨM DÂN SỰ

2.1. Các quy định chung về phiên tòa phúc thẩm dân sự

2.1.1. Một số nguyên tắc tiến hành phiên tòa phúc thẩm dân sự

2.1.1.1. Nguyên tắc pháp chế xã hội chủ nghĩa

Nguyên tắc này được quy định tại Điều 3 BLTTDS. Đây là nguyên tắc cơ bản nhất, bao trùm các hoạt động tố tụng dân sự. Theo đó, mọi hoạt động tố tụng đều phải tuân thủ triệt để các quy định của BLTTDS.

2.1.1.2 Nguyên tắc xét xử độc lập và chỉ tuân theo pháp luật

Được quy định tại Điều 12 BLTTDS.

2.1.1.3. Nguyên tắc Tòa án xét xử tập thể

Được quy định tại Điều 14 BLTTDS.

2.1.1.4. Nguyên tắc Tòa án xét xử công khai

Được quy định tại Điều 15 BLTTDS.

2.1.1.5. Nguyên tắc bình đẳng về quyền và nghĩa vụ trong tố tụng dân sự
Được quy định tại Điều 8 BLTTDS.

2.1.1.6. Nguyên tắc quyền quyết định và tự định đoạt của đương sự
Được quy định tại Điều 5 BLTTDS.

2.1.1.7. Nguyên tắc bảo đảm quyền bảo vệ của đương sự
Được quy định tại Điều 8 BLTTDS.

2.1.1.8. Nguyên tắc cung cấp chứng cứ và chứng minh trong tố tụng dân sự
Được quy định tại Điều 6 BLTTDS.

2.1.2. Các quy định về chủ thể trong phiên tòa phúc thẩm dân sự

2.1.2.1. Các quy định về người tiến hành tố tụng tại phiên tòa phúc thẩm dân sự

Theo quy định tại các Điều 53, 264 BLTTDS, thành phần những người tiến hành tố tụng tại phiên tòa phúc thẩm gồm Thẩm phán, Kiểm sát viên (trong trường hợp Viện kiểm sát phải tham gia phiên tòa) và Thư ký Tòa án.

Để đảm bảo sự vô tư, khách quan của các chủ thể tiến hành tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, BLTTDS quy định những trường hợp phải thay đổi người tiến hành tố tụng tại các điều 46, 47, 48, 49 và 50 BLTTDS.

2.1.2.2. Các quy định về người tham gia phiên tòa phúc thẩm dân sự

Theo quy định tại Điều 264 BLTTDS thì những người tham gia phiên tòa phúc thẩm gồm: Người kháng cáo, đương sự, cá nhân, cơ quan tổ chức có liên quan đến việc giải quyết kháng cáo, kháng nghị và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự được triệu tập tham gia phiên tòa. Tòa án có thể triệu tập những người tham gia tố tụng khác tham gia phiên tòa khi xét thấy cần thiết cho việc giải quyết kháng cáo, kháng nghị.

2.1.3. Các quy định về phạm vi xét xử phúc thẩm

Tại Điều 263 BLTTDS quy định phạm vi xét xử phúc thẩm như sau: *Tòa án cấp phúc thẩm chỉ xem xét lại phần của bản án, quyết định sơ thẩm có kháng cáo, kháng nghị hoặc có liên quan đến việc xem xét nội dung kháng cáo, kháng nghị".*

2.2. Các quy định về thủ tục phiên tòa phúc thẩm dân sự

2.2.1. Các quy định về thủ tục bắt đầu phiên tòa phúc thẩm dân sự

Theo quy định tại Điều 267 BLTTDS thì chuẩn bị khai mạc phiên tòa phúc thẩm và thủ tục bắt đầu phiên tòa phúc thẩm cũng giống như đối với phiên tòa sơ thẩm.

Đối với các trường hợp hoãn phiên tòa phúc thẩm được quy định tại Điều 266 BLTTDS.

Đối với người tham gia tố tụng khác không phải là người kháng cáo vắng mặt tại phiên tòa, thì việc hoãn phiên tòa hay vẫn tiến hành xét xử phúc thẩm được thực hiện theo quy định tại các điều 199, 200, 201, 202, 203, 204, 205, 206 BLTTDS và hướng dẫn tại các Mục 1, 2 Phần III Nghị quyết số 02/2006/NQ-HĐTP ngày 12/5/2006 của HĐTP TANDTC.

Việc quyết định hoãn phiên tòa hay không sẽ do HĐXX thảo luận tại phòng nghị án và quyết định. Thời gian hoãn phiên tòa mỗi lần không quá 30 ngày, kể từ ngày ra quyết định.

2.2.2. Các quy định về thủ tục hỏi tại phiên tòa phúc thẩm dân sự

Được thực hiện theo các quy định từ Điều 268 đến 278 BLTTDS, và các Điều 227, 228, 263 BLTTDS.

2.2.3. Các quy định về tranh luận tại phiên tòa phúc thẩm dân sự

Chủ tọa phiên tòa phải áp dụng các quy định tại Điều 273 BLTTDS, và các quy định từ Điều 232 đến Điều 235 BLTTDS để điều khiển phần tranh luận.

2.2.4. Các quy định về nghị án phúc thẩm dân sự

Theo Điều 274 BLTTDS: "*Việc nghị án, trở lại việc hỏi và tranh luận, thời gian nghị án, tuyên án, sửa chữa, bổ sung bản án phúc thẩm được thực hiện như thủ tục sơ thẩm*".

2.2.5. Các quy định về tuyên án phúc thẩm

Theo Điều 274 BLTTDS, thủ tục tuyên án tại phiên tòa phúc thẩm được thực hiện như tại phiên tòa sơ thẩm quy định tại Điều 239 BLTTDS.

2.3. Các quy định về quyền hạn của Hội đồng xét xử phúc thẩm

2.3.1. Quyền giữ nguyên bản án, quyết định sơ thẩm

Theo khoản 1 Điều 275 BLTTDS, Hội đồng xét xử phúc thẩm có quyền giữ nguyên bản án, quyết định sơ thẩm. Khi Tòa án cấp phúc thẩm xét thấy bản án của Tòa án cấp sơ thẩm là có căn cứ và đúng pháp luật có quyền bác kháng cáo, kháng nghị và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

2.3.2. Quyền sửa bản án sơ thẩm

Được quy định tại Điều 276 BLTTDS: "*Hội đồng xét xử phúc thẩm sửa một phần hoặc toàn bộ bản án sơ thẩm nếu Tòa án cấp sơ thẩm quyết định không đúng pháp luật trong các trường hợp sau đây*:"

1- *Việc chứng minh và thu thập chứng cứ đã thực hiện đầy đủ và theo đúng quy định tại Chương VII của Bộ luật này;*

2- *Việc chứng minh và thu thập chứng cứ chưa thực hiện đầy đủ ở cấp sơ thẩm nhưng tại phiên tòa phúc thẩm đã được bổ sung đầy đủ*".

Tòa án cấp phúc thẩm có thể sửa án sơ thẩm với nhiều lý do. Tuy nhiên, dù sửa với lý do gì thì vẫn phải căn cứ vào các quy định của pháp luật, đảm bảo được quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự. Việc sửa bản án sơ thẩm của Tòa án cấp phúc thẩm phải đảm bảo là những khuôn mẫu trong việc áp dụng pháp luật cho Tòa án cấp dưới khi giải quyết, xét xử các vụ án sau.

2.3.3. Quyền hủy bản án sơ thẩm và chuyển hồ sơ cho Tòa án sơ thẩm giải quyết lại vụ án

Theo Điều 277 BLTTDS: "*Hội đồng xét xử phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm và chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án trong trường hợp sau đây*:"

1- *Việc chứng minh và thu thập chứng cứ không theo đúng quy định tại chương VII của Bộ luật này hoặc chưa được thực hiện đủ mà tại phiên tòa phúc thẩm không thể thực hiện bổ sung được*.

2- Thành phần của Hội đồng xét xử sơ thẩm không đúng quy định của Bộ luật này hoặc có vi phạm nghiêm trọng khác về thủ tục tố tụng".

2.3.4. Quyền hủy bản án sơ thẩm và đình chỉ giải quyết vụ án

Theo quy định tại Điều 278 BLTTDS, HĐXX phúc thẩm có quyền hủy bản án sơ thẩm và đình chỉ việc giải quyết vụ án trong trường hợp có các tình tiết quy định tại Điều 192 Bộ luật tố tụng dân sự.

BLTTDS không quy định trường hợp Tòa án cấp phúc thẩm có thẩm quyền hủy một phần bản án sơ thẩm xuất phát từ đặc thù của một số quan hệ pháp luật nhất định. Tuy nhiên, trên thực tế xét xử các vụ án về hôn nhân và gia đình, Tòa án cấp phúc thẩm vẫn hủy một phần bản án sơ thẩm.

Tóm lại, qua những vấn đề được nghiên cứu và trình bày tại chương 1 cho thấy, các quy định của BLTTDS về phiên tòa phúc thẩm từ nguyên tắc tiến hành phiên tòa, thành phần tham gia phiên tòa đến thủ tục tiến hành phiên tòa và quyền hạn của HĐXX phúc thẩm đã tương đối đầy đủ so với các quy định trong các văn bản pháp luật tố tụng dân sự trước đây. Đặc biệt, quy định về việc thay đổi người tiến hành tố tụng, người giám định, người phiên dịch; quy định về thủ tục khai mạc phiên tòa, về thủ tục giải quyết trường hợp nguyên đơn rút đơn khởi kiện tại phiên tòa phúc thẩm và quy định về nội dung hỏi những người tham gia tố tụng. Vì vậy, việc áp dụng trong thực tiễn giải quyết các vụ án dân sự của Tòa án cấp phúc thẩm sẽ có những thuận lợi nhất định. Nhờ đó có thể nâng cao được hiệu quả xét xử phúc thẩm. Tuy nhiên, qua nghiên cứu cho thấy vẫn có quy định của BLTTDS về phiên tòa phúc thẩm dân sự chưa rõ ràng như quy định về việc tuyên án khi Tòa án xét xử kín vụ án, quy định về việc hủy bản án sơ thẩm để giải quyết lại vụ án vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng v.v... dẫn đến có nhiều cách hiểu và áp dụng khác nhau. Do đó, cần thiết phải sớm sửa đổi, bổ sung những quy định này nhằm hoàn thiện các quy định của BLTTDS về phiên tòa dân sự phúc thẩm.

Chương 3

THỰC TIỄN THỰC HIỆN CÁC QUY ĐỊNH CỦA BỘ LUẬT TỐ TỤNG DÂN SỰ VỀ PHIÊN TÒA PHÚC THẨM, YÊU CẦU VÀ CÁC GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN

3.1. Thực tiễn thực hiện các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về phiên tòa phúc thẩm dân sự

3.1.1. Những kết quả đạt được trong việc thực hiện các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa phúc thẩm

Theo thống kê của TANDTC, từ khi BLTTDS có hiệu lực thì thực trạng thụ lý, giải quyết theo trình tự phúc thẩm các vụ án dân sự trên cả nước cho thấy, hàng năm, số lượng vụ án Tòa án các cấp thụ lý, giải quyết theo trình tự phúc thẩm có xu hướng tăng. Tuy nhiên, tỷ lệ giải quyết các vụ án đã thụ lý của Tòa án cấp phúc thẩm cũng đạt tỷ lệ cao. Chất lượng giải quyết về cơ bản đảm bảo đúng pháp luật, tỷ lệ bản án phúc thẩm bị kháng nghị theo trình tự giám đốc thẩm thấp và ngày càng có xu hướng giảm dần.

Về cơ bản, từ khi BLTTDS có hiệu lực pháp luật, công tác áp dụng pháp luật tố tụng để giải quyết các tranh chấp có nhiều thuận lợi do Bộ luật đã pháp điển hóa được các quy định về tố tụng dân sự nằm rải rác trong các văn bản pháp luật có hiệu lực thấp do TANDTC ban hành. Ngoài ra, TANDTC đã kịp thời có các Nghị quyết của Hội đồng thẩm phán hướng dẫn thi hành các quy định của BLTTDS. Tuy nhiên, những khó khăn bộc lộ chủ yếu là: các quy định pháp luật mới, còn có những phần chưa có hướng dẫn cụ thể dẫn đến cách hiểu mỗi Thẩm phán một khác, mỗi Tòa án một khác dẫn đến việc áp dụng pháp luật chưa thống nhất.

3.1.2. Những tồn tại trong việc thực hiện các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về phiên tòa phúc thẩm

Thứ nhất, Tòa án cấp sơ thẩm không thu thập chứng cứ đầy đủ về các quan hệ pháp luật có tranh chấp, bỏ sót người tham gia tố tụng... nhưng cấp phúc thẩm cũng không phát hiện dẫn đến xét xử sai.

Thứ hai, Tòa án cấp phúc thẩm do không nghiên cứu kỹ hồ sơ dẫn đến có một số vụ án khi xét xử Tòa án bỏ sót xác định sai người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

Thứ ba, Tòa án cấp phúc thẩm phát hiện một số sai lầm nghiêm trọng của Tòa án cấp sơ thẩm, nhưng không hủy bản án sơ thẩm mà lại kiến nghị giám đốc thẩm bản án.

Thứ tư, Tòa án cấp phúc thẩm đình chỉ giải quyết vụ án không đúng.

Thứ năm, do thiếu trách nhiệm trong công tác dẫn đến nhầm lẫn thành viên Hội đồng xét xử.

Thứ sáu, xác định sai thẩm quyền, đình chỉ giải quyết vụ án không đúng.

Ngoài ra còn có một số tồn tại khác.

3.1.3. Một số nguyên nhân của tồn tại trong việc thực hiện các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự

- Một số quy định của BLTTDS còn chưa rõ ràng, cơ quan nhà nước có thẩm quyền chưa có văn bản hướng dẫn dẫn đến các cách hiểu khác nhau, việc vận dụng để giải quyết các vụ án khác nhau. Một số vấn đề BLTTDS quy định còn thiếu, chưa đầy đủ, chưa phù hợp.

- Một số Thẩm phán thiếu trách nhiệm trong công tác, không nghiên cứu kỹ hồ sơ vụ án dẫn đến những sai lầm trong việc xác định người tham gia tố tụng như: bỏ sót người tham gia tố tụng, đưa người không liên quan đến vụ án vào tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

- Do Thẩm phán không nắm vững các quy định của BLTTDS về căn cứ hủy bản án sơ thẩm, sửa bản án sơ thẩm và quyền hạn của HĐXX phúc thẩm nên có những quyết định sai lầm, lẽ ra cần phải hủy bản án sơ thẩm do cấp sơ thẩm có vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng theo khoản 2 Điều 277 BLTTDS nhưng Thẩm phán lại chỉ sửa bản án sơ thẩm theo Điều 276 và kiến nghị Tòa án cấp trên kháng nghị theo thủ tục giám đốc thẩm.

- Cũng có Thẩm phán thiếu kỹ năng xét xử phúc thẩm, không nắm vững yêu cầu xét xử phúc thẩm, tính chất của phúc thẩm là xét xử lại vụ án trong phạm vi nội dung kháng cáo, kháng nghị nên không ít trường hợp đã tiến hành xét xử phúc thẩm vụ án như khi xét xử sơ thẩm.

3.2. Các yêu cầu hoàn thiện các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự Việt Nam năm 2004 về phiên tòa phúc thẩm dân sự

Được đặt ra trong Nghị quyết số 48-NQ/TW ngày 24/5/2005 của Bộ chính trị về chiến lược xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật Việt Nam đến năm 2010, định hướng đến năm 2020 và tình hình kinh tế xã hội hiện nay.

3.2.1. Yêu cầu nâng cao hiệu quả xét xử phúc thẩm

Phiên tòa phúc thẩm dân sự là một hình thức giám đốc việc xét xử chủ yếu của Tòa án cấp trên đối với hoạt động xét xử của Tòa án cấp dưới nhằm khắc phục các sai sót về xét xử của các Tòa án cấp sơ thẩm, bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của các chủ thể trong xã hội, lợi ích của nhà nước. Phiên tòa phúc thẩm xét xử vụ án dân sự là một giai đoạn của tố tụng dân sự và một nội dung quan trọng của hoạt động tư pháp. Cải cách tổ chức và hoạt động của các cơ quan tư pháp không thể tách rời với việc nâng cao hiệu quả xét xử các vụ án dân sự tại phiên tòa phúc thẩm. Vì vậy, hoàn thiện các quy định của BLTTDS Việt Nam không thể tách rời yêu cầu này.

3.2.2. Yêu cầu mở rộng tranh tụng trong tố tụng dân sự

Vì vậy, hoàn thiện các quy định của BLTTDS Việt Nam về việc nâng cao tính tranh tụng tại các phiên tòa xét xử phúc thẩm các vụ án dân sự nói riêng không thể tách rời với việc nâng cao hiệu quả phúc thẩm các vụ án dân sự.

3.2.3. Yêu cầu về hoàn thiện hệ thống pháp luật Việt Nam

Hoàn thiện các quy định của BLTTDS Việt Nam về phiên tòa phúc thẩm cần phải gắn chặt với hoàn thiện hệ thống pháp luật.

3.2.4. Yêu cầu về đổi mới hệ thống Tòa án

Trong hệ thống cơ quan tư pháp, Tòa án là cơ quan duy nhất thực hiện chức năng xét xử, nên việc hoàn thiện các quy định của BLTTDS về phiên tòa phúc thẩm phải gắn với việc đổi mới và hoàn thiện hệ thống Tòa án vì "*Tòa án có vai trò trung tâm và xét xử là hoạt động trọng tâm*"

3.2.5. Yêu cầu nâng cao trách nhiệm của Thẩm phán

Trong hoạt động xét xử, vai trò của Thẩm phán hết sức quan trọng, là người thực hiện quyền lực nhà nước đưa ra các phán quyết, quyết định làm

ảnh hưởng trực tiếp đến quyền, lợi ích của các đương sự. Trong hoạt động xét xử các tranh chấp dân sự, vai trò của Thẩm phán càng lớn, bởi Thẩm phán là người trực tiếp giải quyết vụ án từ khi thụ lý, xây dựng hồ sơ cho đến khi xét xử. Vì vậy, để các quy định của BLTTDS thực sự đi vào thực tế cuộc sống, việc hoàn thiện các quy định của Bộ luật này về phiên tòa phúc thẩm nhất thiết phải phù hợp với trình độ của những người trực tiếp thực hiện nó.

3.3. Các giải pháp hoàn thiện quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự Việt Nam năm 2004 về phiên tòa phúc thẩm dân sự

- Sửa đổi Điều 272 BLTTDS như sau:

1. Thủ tục hỏi những người tham gia tố tụng và công bố tài liệu, xem xét vật chứng tại phiên tòa phúc thẩm được thực hiện theo quy định tại các điều 222, 223, 224, 225, 226, 227, 228, 229, 230 và 231 bộ luật này.

- Sửa đổi Điều 273 BLTTDS quy định tranh luận tại phiên tòa phúc thẩm như sau:

"1. Trình tự phát biểu khi tranh luận được thực hiện theo quy định tại Điều 271 của bộ luật này.

2. Về phạm vi phát biểu khi tranh luận và đối đáp, phát biểu của kiểm sát viên và việc trở lại việc hỏi được thực hiện theo quy định tại Điều 233, 234 và 235 Bộ luật này.

3. Chỉ được tranh luận về những vấn đề thuộc phạm vi xét xử phúc thẩm theo quy định tại Điều 263 Bộ luật này.

- Sửa đổi Điều 233 BLTTDS như sau:

1. Khi phát biểu về đánh giá chứng cứ, đề xuất quan điểm của mình về việc giải quyết vụ án, người tham gia tranh luận phải căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã thu thập được và đã xem xét, kiểm tra tại phiên tòa cũng như kết quả việc hỏi tại phiên tòa. Người tham gia tranh luận có quyền đáp lại ý kiến của người khác. Chủ tọa phiên tòa không được hạn chế thời gian tranh luận, tạo điều kiện cho những người tham gia tranh luận trình bày hết ý kiến, nhưng có quyền cắt những ý kiến không liên quan đến vụ án.

2. Nếu tranh luận kéo dài sang ngày khác thì việc tranh luận được tiếp tục vào ngày tiếp theo. Chủ tọa phiên tòa phải thông báo cho những người có mặt tại phiên tòa thời gian và địa điểm của việc tranh luận.

- Sửa đổi, bổ sung Điều 274 BLTTDS như sau:

Khi nghị án chỉ được căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được kiểm tra, xem xét tại phiên tòa, kết quả việc hỏi tại phiên tòa, kết quả tranh luận tại phiên tòa và phải xem xét đầy đủ ý kiến của những người tham gia tố tụng, Kiểm sát viên.

- Sửa đổi, bổ sung Điều 269 BLTTDS như sau:

Trước khi mở phiên tòa hoặc tại phiên tòa phúc thẩm nguyên đơn rút đơn khởi kiện thì HĐXX phúc thẩm phải hỏi bị đơn có đồng ý hay không và tùy từng trường hợp mà giải quyết như sau:

a) Bị đơn không đồng ý thì không chấp nhận việc rút đơn khởi kiện của nguyên đơn;

b) Bị đơn đồng ý thì chấp nhận việc rút đơn khởi kiện của nguyên đơn. Hội đồng xét xử phúc thẩm ra quyết định hủy bản án sơ thẩm và đình chỉ giải quyết vụ án. Trong trường hợp này, HĐXX căn cứ vào quyết định của Tòa án cấp sơ thẩm về án trong bản án sơ thẩm bị hủy, Tòa án cấp phúc thẩm quyết định đương sự nào phải chịu án phí và mức án phí sơ thẩm. Đối với trường hợp này các đương sự còn phải chịu một nửa án phí phúc thẩm.

- Sửa đổi, bổ sung Điều 277 BLTTDS như sau:

HĐXX phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm và chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án trong các trường hợp sau đây:

1. Quyết định của bản án, quyết định sơ thẩm không phù hợp với những tình tiết khách quan của vụ án hoặc có sai lầm nghiêm trọng trong việc áp dụng pháp luật mà cấp phúc thẩm không thể khắc phục được.

2. Có tình tiết mới làm thay đổi nội dung vụ án mà không giải quyết được tại cấp phúc thẩm.

3. Thành phần HĐXX sơ thẩm không đúng quy định của Bộ luật này hoặc có vi phạm nghiêm trọng khác về thủ tục tố tụng.

KẾT LUẬN

Phiên tòa phúc thẩm dân sự là phiên họp của Tòa án cấp trên trực tiếp xét xử lại vụ án dân sự đã được Tòa án cấp dưới giải quyết bằng bản án hoặc quyết định chưa có hiệu lực pháp luật nhưng bị kháng cáo hoặc kháng nghị nhằm xác định tính hợp pháp và tính có căn cứ của bản án, quyết định đó.

Phiên tòa phúc thẩm dân sự có những ý nghĩa rất lớn cả về chính trị, xã hội và pháp lý. Việc tiến hành tốt phiên tòa phúc thẩm là một yêu cầu tất yếu đặt ra đối với hoạt động xét xử của Tòa án. Từ khi BLTTDS được ban hành, các vấn đề về tố tụng dân sự đã được Bộ luật này quy định tương đối đầy đủ, cụ thể trong đó có những vấn đề về phiên tòa phúc thẩm dân sự như nguyên tắc tiến hành phiên tòa, thành phần tham gia phiên tòa, phạm vi xét xử phúc thẩm, thủ tục tiến hành phiên tòa và quyền hạn của HĐXX phúc thẩm.

Kể từ khi BLTTDS ra đời cho đến nay, mặc dù số lượng các vụ án dân sự phải giải quyết theo trình tự phúc thẩm ngày càng tăng nhưng Tòa án các cấp đã khắc phục khó khăn, áp dụng đúng các quy định pháp luật tố tụng dân sự, giải quyết được số lượng lớn các vụ án dân sự. Chất lượng xét xử phúc thẩm các vụ án dân sự về cơ bản đúng pháp luật, tỷ lệ bản án phúc thẩm bị kháng nghị theo trình tự giám đốc thẩm thấp và ngày càng có xu hướng giảm dần. Tuy nhiên, thực tế vẫn tồn tại một số vi phạm dẫn đến việc bản án phúc thẩm bị Tòa án cấp trên kháng nghị và hủy theo trình tự giám đốc thẩm như Tòa án cấp phúc thẩm xác định sai người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án, không phát hiện được các vi phạm của cấp sơ thẩm dẫn đến ra bản án phúc thẩm sai, đình chỉ việc giải quyết vụ án không đúng, xác định sai thẩm quyền... Nguyên nhân của những tồn tại đó là do một số quy định của BLTTDS còn chưa rõ ràng dẫn đến các cách hiểu khác nhau, việc vận dụng giải quyết vụ án khác nhau, Thẩm phán thiếu trách nhiệm trong công tác, không nghiên cứu đầy đủ các quy định của pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án...

Để thực hiện được mục tiêu của công cuộc cải cách tư pháp trong công tác xét xử các vụ án dân sự và đòi hỏi của thực tiễn cần phải sớm hoàn thiện các quy định của BLTTDS Việt Nam như sau:

- Sửa đổi, bổ sung Điều 269 BLTTDS theo hướng quy định HĐXX phúc thẩm quyết định vấn đề án phí trên cơ sở án phí của bản án sơ thẩm và quyết định đương sự nào phải chịu án phí, mức án phí.

- Sửa đổi, bổ sung Điều 272 BLTTDS theo hướng quy định cụ thể HĐXX cấp phúc thẩm sẽ phải áp dụng các điều luật **222, 223, 224, 225, 226, 227, 228, 229, 230 và 231** của phiên tòa sơ thẩm để điều khiển thủ tục hỏi tại phiên tòa.

- Sửa đổi, bổ sung Điều 273 BLTTDS theo hướng quy định cụ thể HĐXX cấp phúc thẩm sẽ phải áp dụng các điều luật 233, 234, 235 BLTTDS để điều khiển phần tranh luận tại phiên tòa, quy định lại về nội dung tranh luận cho phù hợp, tránh trùng lặp.

- Sửa đổi, bổ sung Điều 233 BLTTDS theo hướng quy định cụ thể về thời gian tiếp tục tranh luận trong trường hợp vụ án được tranh luận trong nhiều ngày.

- Sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 236 BLTTDS theo hướng quy định bổ sung việc nghị án phải căn cứ vào kết quả tranh luận công khai tại phiên tòa.

- Sửa đổi, bổ sung Điều 242 BLTTDS theo hướng quy định cụ thể về thời hạn cung cấp chứng cứ của các đương sự.

- Sửa đổi, bổ sung Điều 277 BLTTDS theo hướng bỏ quy định "việc chứng minh hoặc thu thập chứng cứ không đầy đủ mà tại phiên tòa phúc thẩm không thể thực hiện, bổ sung được" làm căn cứ để hủy bản án, quyết định sơ thẩm.

- Sửa đổi, bổ sung Điều 277 BLTTDS theo hướng bỏ quy định "việc chứng minh hoặc thu thập chứng cứ không đầy đủ" làm căn cứ để hủy bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật.

Trong khuôn khổ của một luận văn cao học luật, việc nghiên cứu đề tài "phiên tòa phúc thẩm dân sự theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự Việt Nam" của tác giả bước đầu chỉ đề cập đến những vấn đề cơ bản của phiên tòa phúc thẩm như khái niệm, ý nghĩa, nội dung của phiên tòa phúc thẩm, các quy định của BLTTDS về phiên tòa phúc thẩm và thực tiễn thực hiện chứng tại một số Tòa án cấp phúc thẩm. Những vấn đề khác liên quan đến đề tài, tác giả sẽ tiếp tục nghiên cứu khi có điều kiện.